VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2021/TT-BKHĐT *Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2021*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Nghị định số 35/2021/NĐ-CP) và Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP và Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (sau đây gọi là Nghị định số 25/2020/NĐ-CP), gồm:

1. Quy định về việc lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu dự án PPP.

2. Quy định liên quan đến lập yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với dự án đầu tư có sử dụng đất.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP và dự án đầu tư có sử dụng đất.

Điều 3. Lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu dự án PPP

1. Hồ sơ mời sơ tuyển được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ mời đàm phán được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hồ sơ mời thầu đối với dự án áp dụng sơ tuyển được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Hồ sơ mời thầu đối với dự án không áp dụng sơ tuyển và dự án áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Đầu tư theo

phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Luật PPP) được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Hồ sơ mời thầu đối với dự án áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh theo quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 38 của Luật PPP được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Đối với dự án áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Luật PPP, hồ sơ mời thầu được lập trên cơ sở chỉnh sửa nội dung mẫu hồ sơ quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này, nhưng phải bảo đảm phù hợp với quy định của Luật PPP, Nghị định số 35/2021/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan. Hồ sơ mời thầu không được quy định nội dung so sánh, xếp hạng nhà đầu tư.

Điều 4. Lập yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu dự án đầu tư có sử dụng đất

1. Thông báo mời quan tâm, yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm chỉ được nêu các nội dung nhằm mục đích duy nhất là lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm; không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

2. Hồ sơ mời thầu được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này; trong đó, giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m_3) được xác định theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 47 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP và hướng dẫn tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với dự án áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, hồ sơ yêu cầu được lập trên cơ sở chỉnh sửa nội dung mẫu hồ sơ quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này, nhưng phải bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (sau đây gọi là Nghị định số 31/2021/NĐ-CP), Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP

và quy định của pháp luật khác có liên quan. Hồ sơ yêu cầu không được quy định nội dung so sánh, xếp hạng nhà đầu tư.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng, chỉnh sửa các mẫu hồ sơ

1. Trong các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI và VII ban hành kèm theo Thông tư này, những chữ in nghiêng là nội dung nhằm mục đích hướng dẫn, minh họa và được cụ thể hóa trên cơ sở quy mô, tính chất, lĩnh vực và điều kiện riêng (nếu có) của từng dự án.

2. Ngoài các tiêu chí đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại các Phụ lục I, II, IV và VII ban hành kèm theo Thông tư này, tiêu chí đánh giá khác được bổ sung trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp với quy mô, tính chất, lĩnh vực và điều kiện riêng (nếu có) của từng dự án;

b) Không trái với quy định của pháp luật; không làm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

3. Trường hợp bổ sung tiêu chí đánh giá theo quy định tại khoản 2 Điều này, tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải có thuyết minh chi tiết về các nội dung bổ sung và lý do đề xuất để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 6. Quy định về việc thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất

1. Dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP được xác định theo các quy định sau:

a) Khu đô thị được xác định theo quy định tại khoản 1 Mục VII Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

b) Nhà ở thương mại được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014;

c) Công trình trụ sở, văn phòng làm việc gồm các tòa nhà sử dụng làm văn phòng kết hợp lưu trú được xác định theo quy định tại điểm h khoản 2 Mục I Phụ

lục I ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP);

d) Công trình thương mại gồm trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng; nhà hàng, cửa hàng ăn uống, giải khát được xác định theo quy định tại điểm e khoản 2 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

đ) Công trình dịch vụ gồm khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; cơ sở nghỉ dưỡng; biệt thự lưu trú, căn hộ lưu trú và các cơ sở dịch vụ lưu trú khác được xác định theo quy định tại điểm g khoản 2 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và công bố danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP được xác định và thực hiện như sau:

a) Đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan tổ chức đấu thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước khi công bố danh mục dự án. Đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Ban quản lý khu kinh tế tổ chức xác định, phê duyệt yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư trước khi công bố danh mục dự án.

b) Đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý khu kinh tế (đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế) là cơ quan tổ chức đấu thầu theo quy định tại khoản 6 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan

xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước khi công bố danh mục dự án. Đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế, Ban quản lý khu kinh tế tổ chức xác định, phê duyệt yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư trước khi công bố danh mục dự án.

3. Việc đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì nhà đầu tư đó nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư và điểm a khoản 2 Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP mà không phải xác định giá sàn nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

4. Doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án theo quy định tại khoản 5 Điều 57 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP được kế thừa quyền và nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư mà nhà đầu tư trúng thầu đã cam kết tại hồ sơ dự thầu và phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, xây dựng, đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật có liên quan (nếu có).

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất:

a) Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đã được phát hành theo quy định của Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (sau đây gọi là Nghị định số 30/2015/NĐ-CP) và Thông tư số 16/2016/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (sau đây gọi là Thông tư số 16/2016/TT-BKHĐT) mà đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa có kết quả lựa chọn nhà đầu tư thì tiếp tục đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất căn cứ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đã phát hành;

b) Hồ sơ mời sơ tuyển đã được phát hành trước ngày Nghị định số 25/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì tiếp tục lựa chọn nhà đầu tư theo quy định

tại khoản 3 Điều 90 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP. Nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được xây dựng theo quy định tại Nghị định số 30/2015/NĐ-CP, Thông tư hướng dẫn Nghị định số 30/2015/NĐ-CP và quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản, đầu tư, xây dựng có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

c) Trường hợp danh mục dự án đã được công bố trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tuân thủ quy định của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT và có hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm mà đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời thầu thì nội dung hồ sơ mời thầu được xây dựng theo quy định tại Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2020 đến ngày 26 tháng 3 năm 2021), Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT và quy định của pháp luật của pháp luật về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản, đầu tư, xây dựng có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt hồ sơ mời thầu;

d) Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đã được phát hành theo quy định của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT mà đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa có kết quả lựa chọn nhà đầu tư thì tiếp tục đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trên cơ sở hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đã phát hành;

đ) Hợp đồng dự án đã được ký kết tuân thủ quy định của pháp luật trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án. Trường hợp dự án được chấp thuận điều chỉnh thì thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư trước khi sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án.

2. Dự án PPP đã phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu theo quy định của Luật PPP và Nghị định số 35/2021/NĐ-CP thì tiếp tục đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự đàm phán, hồ sơ dự thầu trên cơ sở hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu đã phát hành. Trình tự, thủ tục tiếp theo thực hiện theo quy định tại Luật PPP, Nghị định số 35/2021/NĐ-CP và Thông tư này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Bổ sung các Mẫu A.I.5a và A.II.5a ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 03 tháng 4 năm 2021 Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư, tại Phụ lục IX của Thông tư này.

2. Trong thời gian Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chưa ban hành quy định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chi tiết đối với dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, nội dung hồ sơ đấu thầu được xây dựng trên cơ sở chỉnh sửa mẫu hồ sơ quy định tại Phụ lục VI và VII ban hành kèm theo Thông tư này nhưng phải tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa, bảo đảm mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

3. Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất, danh mục dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày danh mục dự án được phê duyệt (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư) hoặc kể từ ngày yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm được phê duyệt (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư).

4. Việc đăng tải thông tin về đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia thực hiện theo quy định tương ứng tại các Điều 7, 8, 9, 10 và 13 của Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT cho đến khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết.

5. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và thay thế Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, trừ quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

Phụ lục I

MẪU HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN DỰ ÁN PPP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN

Tên dự án: _____

[ghi tên dự án theo quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án]

Phát hành ngày: _____

[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời sơ tuyển cho nhà đầu tư]

Ban hành kèm theo Quyết định: _____

[ghi số và ngày phát hành quyết định phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển]

Tư vấn lập hồ sơ mời sơ tuyển (nếu có)	**Bên mời thầu**
[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên, ký tên, đóng dấu]*

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương II. Bảng dữ liệu

Chương III. Đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển

Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển. Thông tin gồm quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự sơ tuyển, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và lựa chọn nhà đầu tư vào danh sách ngắn.

Chương II. Bảng dữ liệu

Chương này quy định cụ thể nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng loại dự án cụ thể.

Chương III. Đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển

Chương này gồm quy định về phương pháp và tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển.

Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển

Chương này gồm quy định về các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để tạo thành một phần nội dung của hồ sơ dự sơ tuyển.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời thầu căn cứ nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án; quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án để xác định yêu cầu thực hiện dự án. Trường hợp cần thiết, phát hành kèm theo hồ sơ mời sơ tuyển các tài liệu này.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu
CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
HSDST	Hồ sơ dự sơ tuyển
HSMST	Hồ sơ mời sơ tuyển
Luật PPP	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14
Nghị định số 35/2021/NĐ-CP	Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

PHẦN 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nội dung mời sơ tuyển	1.1. Bên mời thầu với tên và địa chỉ quy định tại **BDL** mời nhà đầu tư quan tâm nộp HSDST đối với dự án được mô tả tại Phần 2 - Yêu cầu thực hiện dự án. 1.2. Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay của nhà đầu tư được quy định tại **BDL**. 1.3. Thông tin cơ bản về dự án được nêu tại **BDL**.
2. Hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư theo phương thức PPP	Hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư theo phương thức PPP gồm các hành vi theo quy định tại Điều 10 Luật PPP.
3. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư	Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 3.1. Có đăng ký thành lập, hoạt động được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà nhà đầu tư đang hoạt động; 3.2. Hạch toán tài chính độc lập; bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 30 Luật PPP và Điều 29 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, thông tin về các nhà thầu tư vấn theo quy định tại **BDL**; 3.3. Không đang trong quá trình giải thể; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; 3.4. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP; không phải là nhà thầu đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

	3.5. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phải liên danh với nhà đầu tư thuộc khu vực tư nhân để tham dự thầu; 3.6. Nhà đầu tư thành lập theo pháp luật nước ngoài phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường khi tham gia lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.
4. Nội dung HSMST	4.1. HSMST gồm có Phần 1, Phần 2 và các tài liệu sửa đổi HSMST (nếu có) theo quy định tại Mục 7 CDNĐT, trong đó gồm các nội dung sau đây: **Phần 1. Thủ tục sơ tuyển** - Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư - Chương II. Bảng dữ liệu - Chương III. Đánh giá HSDST - Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển **Phần 2. Yêu cầu thực hiện dự án** 4.2. Thông báo mời sơ tuyển do bên mời thầu phát hành chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSMST. 4.3. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSMST, tài liệu giải thích làm rõ HSMST, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có), các tài liệu sửa đổi HSMST không do bên mời thầu cung cấp. 4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, BDL, biểu mẫu, báo cáo tóm tắt dự án và các yêu cầu khác trong HSMST để chuẩn bị HSDST.
5. Làm rõ HSMST, hội nghị tiền đấu thầu	5.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSMST, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ bằng văn bản đến bên mời thầu tối

	thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Bên mời thầu làm rõ HSMST khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ trong thời hạn nêu trên. Nội dung làm rõ HSMST phải được đăng tải ngay trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu; trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Nội dung làm rõ HSMST không được trái với nội dung của HSMST đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSMST dẫn đến phải sửa đổi HSMST thì việc sửa đổi HSMST thực hiện theo quy định tại Mục 7 CDNĐT. 5.2. Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu theo quy định tại **BDL**. Mục đích của hội nghị là giải thích, làm rõ các vấn đề và trả lời các câu hỏi mà nhà đầu tư thấy chưa rõ liên quan đến nội dung HSMST. Để tạo điều kiện thuận lợi cho bên mời thầu trả lời yêu cầu làm rõ HSMST, nhà đầu tư nên gửi yêu cầu làm rõ đến bên mời thầu trước ngày tổ chức hội nghị tiền đấu thầu. Nội dung trao đổi tại hội nghị tiền đấu thầu sẽ được bên mời thầu ghi lại thành biên bản, trong đó nêu rõ câu hỏi của nhà đầu tư và câu trả lời của bên mời thầu nhưng không nêu tên nhà đầu tư có câu hỏi. Các nội dung làm rõ được lập thành văn bản làm rõ HSMST và đăng tải trên Hệ thống theo quy định tại Mục 5.1 CDNĐT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMST. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà đầu tư. Trường hợp HSMST cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, bên mời thầu sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định tại Mục 7 CDNĐT.

6. Khảo sát hiện trường	6.1. Nhà đầu tư được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án với điều kiện nhà đầu tư cam kết rằng bên mời thầu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường theo quy định tại **BDL**. 6.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho bên mời thầu về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án.
7. Sửa đổi HSMST	7.1. Việc sửa đổi HSMST được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc đăng tải văn bản sửa đổi HSMST trên Hệ thống. Văn bản sửa đổi HSMST, gồm quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi, được coi là một phần của HSMST. Nhà đầu tư có trách nhiệm thường xuyên truy cập vào Hệ thống để cập nhật các thông tin về HSMST. 7.2. Thời gian đăng tải văn bản sửa đổi HSMST theo quy định tại **BDL**. Trường hợp thời gian đăng tải văn bản sửa đổi HSMST không đáp ứng theo quy định tại Mục này thì bên mời thầu phải thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian tại Mục này. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 16.2 CDNĐT.
8. Chi phí dự sơ tuyển	Nhà đầu tư phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDST. Trong mọi trường hợp, bên mời thầu không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự sơ tuyển của nhà đầu tư.

9. Ngôn ngữ của HSDST	HSDST cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDST trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ quy định tại **BDL**.
10. Thành phần của HSDST	HSDST phải gồm các thành phần sau đây: 10.1. Đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; 10.2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; 10.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 12 CDNĐT; 10.4. Biểu mẫu dự sơ tuyển; 10.5. Nội dung khác theo quy định tại **BDL**.
11. Đơn dự sơ tuyển	11.1. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự sơ tuyển phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển, được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền. Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển). Bản gốc giấy ủy quyền (lập theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển) phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự sơ tuyển. 11.2. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự sơ tuyển phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01 tại Chương IV - Biểu mẫu

	dự sơ tuyển, do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, thực hiện tương tự nhà đầu tư độc lập theo quy định tại Mục 11.1 CDNĐT.
12. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư	12.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định tại **BDL**. 12.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư gồm: a) Năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển. Trường hợp đồng tiền nêu trong các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm không phải đồng tiền theo quy định tại **BDL** thì khi lập HSDST, nhà đầu tư phải quy đổi về đồng tiền tương ứng theo quy định tại Mục này để làm cơ sở đánh giá HSDST; trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền này thì nhà đầu tư sử dụng đồng tiền trung gian theo quy định tại **BDL** để làm cơ sở quy đổi và kê khai trong HSDST. b) Các tài liệu khác theo quy định tại **BDL**.
13. Thời gian có hiệu lực của HSDST	13.1. HSDST phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **BDL**. HSDST nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá. 13.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDST, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của HSDST. Nếu nhà đầu tư không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDST thì

	HSDST của nhà đầu tư không được tiếp tục xem xét, đánh giá. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.
14. Quy cách HSDST và chữ ký trong HSDST	14.1. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSDST gồm: 01 bản gốc HSDST và một số bản chụp HSDST theo số lượng quy định tại **BDL**. Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDST thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDST. 14.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi danh sách ngắn thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi danh sách ngắn thì HSDST của nhà đầu tư bị loại. 14.3. Bản gốc của HSDST phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự sơ tuyển, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDST (nếu có) và các biểu mẫu khác được lập theo quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên và đóng dấu (nếu có). 14.4. Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì các nội dung của HSDST quy định tại Mục 14.3 CDNĐT phải được đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm tại thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Văn bản thỏa thuận liên danh phải được đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

	14.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự sơ tuyển.
15. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDST	15.1. Bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN", "BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN". Trường hợp nhà đầu tư có sửa đổi, thay thế HSDST thì phải được đựng trong các túi riêng biệt; bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN THAY THẾ", "BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN THAY THẾ". Các túi đựng HSDST, HSDST sửa đổi, HSDST thay thế phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà đầu tư. 15.2. Trên túi đựng hồ sơ phải ghi đầy đủ các thông tin: a) Tên và địa chỉ của nhà đầu tư; b) Tên người nhận là tên bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT; c) Tên dự án theo quy định tại Mục 1.3 CDNĐT; d) Dòng chữ cảnh báo: "không được mở trước thời điểm mở thầu". 15.3. Trong trường hợp HSDST gồm nhiều tài liệu, nhà đầu tư cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDST của bên mời thầu được thuận tiện, bảo đảm sự toàn vẹn của HSDST, tránh thất lạc, mất mát.

	15.4. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không thực hiện theo quy định của HSMST này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDST trong quá trình chuyển đến bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDST theo hướng dẫn quy định tại các Mục 15.1 và Mục 15.2 CDNĐT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDST nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng quy định nêu trên.
16. Thời điểm đóng thầu	16.1. Bên mời thầu tiếp nhận HSDST của tất cả nhà đầu tư nộp HSDST trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại **BDL**. 16.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu trong trường hợp sửa đổi HSMST theo quy định tại Mục 7.1 CDNĐT. 16.3. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của bên mời thầu và nhà đầu tư theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn. Bên mời thầu đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống, trong đó nêu rõ lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu mới. Nhà đầu tư đã nộp HSDST có thể nhận lại HSDST của mình để sửa đổi, bổ sung. Trường hợp nhà đầu tư chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDST thì bên mời thầu quản lý HSDST đó theo chế độ quản lý hồ sơ "mật".
17. HSDST nộp muộn	Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDST nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDST nào mà bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDST nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư.

18. Sửa đổi, thay thế và rút HSDST	18.1. Sau khi nộp HSDST, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDST bằng cách gửi văn bản đề nghị do đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) đến bên mời thầu. Nhà đầu tư phải gửi kèm theo các tài liệu theo quy định tại Mục 11 CDNĐT chứng minh tư cách hợp lệ của của người ký văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDST. 18.2. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDST phải được gửi kèm với văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau: a) Được nhà đầu tư chuẩn bị và nộp cho bên mời thầu theo quy định tại Mục 14 và Mục 15 CDNĐT; b) Được bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16 CDNĐT. 18.3. Văn bản đề nghị rút HSDST phải bảo đảm được bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16 CDNĐT. HSDST mà nhà đầu tư yêu cầu rút sẽ được trả lại cho nhà đầu tư.
19. Mở thầu	19.1. Ngoại trừ trường hợp HSDST nộp muộn theo quy định tại Mục 17 CDNĐT và HSDST mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 18.3 CDNĐT, bên mời thầu phải mở công khai và đọc rõ các thông tin theo điểm b Mục 19.2 CDNĐT của tất cả HSDST đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại **BDL** trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư tham dự sơ tuyển. Chỉ có các HSDST được mở và đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.

	19.2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDST theo trình tự sau đây: a) Kiểm tra niêm phong; b) Mở bản gốc HSDST, HSDST sửa đổi (nếu có) hoặc HSDST thay thế (nếu có) và đọc rõ những thông tin sau: tên nhà đầu tư, hiệu lực của HSDST và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết; c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự sơ tuyển, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có), thoả thuận liên danh (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDST nào khi mở thầu, trừ các HSDST nộp muộn theo quy định tại Mục 17 CDNĐT và HSDST mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 18.3 CDNĐT. 19.3. Đối với trường hợp rút HSDST Bên mời thầu sẽ mở và đọc rõ các thông tin văn bản đề nghị rút HSDST. HSDST của nhà đầu tư có đề nghị rút HSDST sẽ được trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư rút HSDST và vẫn mở HSDST tương ứng nếu văn bản đề nghị rút HSDST không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 19.4. Đối với trường hợp sửa đổi HSDST Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị sửa đổi HSDST, HSDST sửa đổi trước khi mở túi đựng và đọc rõ thông tin trong HSDST ban đầu của nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSDST nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSDST không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

	19.5. Đối với trường hợp thay thế HSDST Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị thay thế HSDST, HSDST thay thế. HSDST ban đầu sẽ được trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSDST nếu văn bản đề nghị thay thế HSDST không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 19.6. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó gồm các thông tin quy định tại các Mục 19.2, 19.3, 19.4 và 19.5 CDNĐT. Đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký của nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà đầu tư tham dự sơ tuyển.
20. Bảo mật	20.1. Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các HSDST đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDST phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà đầu tư hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDST của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDST. 20.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDST theo quy định tại Mục 21 CDNĐT, nhà đầu tư không được phép tiếp xúc với bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDST của mình và các vấn đề khác liên quan đến dự án trong suốt thời gian từ khi mở HSDST cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển.

21. Làm rõ HSDST	21.1. Trường hợp trong quá trình đánh giá, nhà đầu tư phát hiện HSDST thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà đầu tư được phép gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung làm rõ của nhà đầu tư bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. 21.2. Trong trường hợp phát hiện nhà đầu tư thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời thầu phải yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ HSDST theo yêu cầu của bên mời thầu. Tất cả yêu cầu làm rõ của bên mời thầu và phản hồi của nhà đầu tư phải được thực hiện bằng văn bản và được gửi theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. Việc làm rõ chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà đầu tư có HSDST cần phải làm rõ. Tài liệu làm rõ HSDST được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDST. 21.3. Việc làm rõ, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện HSDST phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi tư cách và tên nhà đầu tư tham dự sơ tuyển. 21.4. Trong văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư (thời hạn này phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm nhà đầu tư có đủ thời gian chuẩn bị các tài liệu làm rõ HSDST). Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời thầu không nhận được

	văn bản làm rõ hoặc nhà đầu tư có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu sẽ đánh giá HSDST của nhà đầu tư theo thông tin nêu tại HSDST nộp trước thời điểm đóng thầu.
22. Đánh giá HSDST và xếp hạng nhà đầu tư	22.1. Việc đánh giá HSDST thực hiện theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III - Đánh giá HSDST. 22.2. Việc xếp hạng nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại **BDL**.
23. Điều kiện được lựa chọn vào danh sách ngắn	Nhà đầu tư được xem xét, lựa chọn vào danh sách ngắn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: 23.1. Có HSDST hợp lệ; 23.2. Có tổng điểm đánh giá về năng lực, kinh nghiệm không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu, điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản không thấp hơn mức điểm tối thiểu theo quy định tại Mục 3 Chương III - Đánh giá HSDST; 23.3. Thuộc danh sách xếp hạng nhà đầu tư theo quy định tại Mục 22.2 CDNĐT.
24. Hủy thầu	24.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây: a) Tất cả HSDST không đáp ứng được các yêu cầu nêu trong HSMST; b) Thay đổi mục tiêu, quy mô đầu tư đã ghi trong HSMST; c) HSMST không tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà đầu tư được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án; d) Việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư không tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP hoặc

	quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến hạn chế cạnh tranh giữa các nhà đầu tư; đ) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà đầu tư dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư. 24.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c, điểm d và điểm đ Mục 24.1 CDNĐT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
25. Công khai kết quả sơ tuyển	Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả sơ tuyển, bên mời thầu gửi văn bản thông báo kết quả sơ tuyển (danh sách ngắn) theo đường bưu điện, fax, e-mail tới các nhà đầu tư nộp HSDST hợp lệ và được tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả sơ tuyển, bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả sơ tuyển lên Hệ thống.
26. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư	26.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà đầu tư có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình sơ tuyển, kết quả sơ tuyển đến bên mời thầu, cơ quan có thẩm quyền theo địa chỉ quy định tại **BDL**. Việc giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật PPP và Tiểu mục 2 Mục 9 Chương IV Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. 26.2. Cơ quan giải quyết kiến nghị đăng tải kết quả giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư lên Hệ thống.
27. Xử lý vi phạm trong đầu tư theo phương thức PPP	27.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý

	kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. 27.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 27.1 CDNĐT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP còn bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP và đưa vào danh sách các nhà đầu tư vi phạm trên Hệ thống. 27.3. Trường hợp vi phạm dẫn tới bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP, nhà đầu tư vi phạm có thể bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP đối với các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành, địa phương hoặc trên phạm vi toàn quốc theo quy định tại Điều 86 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. 27.4. Công khai xử lý vi phạm: a) Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan; b) Quyết định xử lý vi phạm được cơ quan xử lý vi phạm đăng tải lên Hệ thống.
28. Giám sát, theo dõi quá trình sơ tuyển	Cơ quan có thẩm quyền cử cá nhân hoặc đơn vị nêu tại **BDL** giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP, nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo với cá nhân hoặc đơn vị được phân công giám sát, theo dõi.

CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU

CDNĐT 1.1	Tên và địa chỉ của bên mời thầu: - Tên bên mời thầu:___ *[ghi tên bên mời thầu]* - Đại diện:___ *[ghi tên đầy đủ của người đại diện]* - Số nhà/số tầng/số phòng:__ *[ghi số nhà, số tầng, số phòng (nếu có)]* - Tên đường, phố:___ *[ghi tên đường phố]* - Thành phố:___ *[ghi tên thành phố hoặc thị trấn]* - Mã bưu điện:___ *[ghi mã bưu điện (nếu có)]* - Số điện thoại:___ *[ghi số điện thoại, gồm mã nước và mã thành phố]* - Số fax:___ *[ghi số fax, gồm mã nước và mã thành phố]* - Địa chỉ e-mail:___ *[ghi địa chỉ email (nếu có)]*
CDNĐT 1.2	Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay mà nhà đầu tư phải thu xếp và huy động: - Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp[(1)] là:___ *[ghi vốn chủ sở hữu tối thiểu yêu cầu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ];* - Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu là:___ *[ghi giá trị bằng số và bằng chữ];*
CDNĐT 1.3	Thông tin cơ bản của dự án gồm:____ *[ghi tóm tắt thông tin cơ bản của dự án theo nội dung dưới đây trên cơ sở quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án]* a) Tên dự án:_____ b) Loại hợp đồng:_____ c) Tên cơ quan có thẩm quyền:_____ d) Tên cơ quan ký kết hợp đồng:_____

[(1)] Yêu cầu về vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật PPP và trùng khớp với Mục 3 Chương III - Đánh giá HSDST.

	đ) Tên đơn vị chuẩn bị dự án:_____ e) Yêu cầu về kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp, phương án tổ chức quản lý, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ theo báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; g) Tổng mức đầu tư của dự án[(2)]; Vốn nhà nước trong dự án PPP (nếu có):_____ h) Dự kiến tiến độ triển khai dự án gồm:___ - Đối với dự án chưa tiến hành lập báo cáo nghiên cứu khả thi:____ *[ghi thời gian lập báo cáo nghiên cứu khả thi; thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; thời gian xây dựng, hoàn thành và đưa công trình vào khai thác đối với dự án]*. - Đối với dự án đã có báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt:____ *[ghi tiến độ, thời hạn hợp đồng dự án; thời gian xây dựng, khai thác công trình theo báo cáo nghiên cứu khả thi]*. i) Các nội dung khác:_____
CDNĐT 3.2	- Nhà thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có): ___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]*, trừ trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất mà nhà đầu tư đó tham dự thầu; **-** Tư vấn thẩm tra, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];* - Tư vấn lập HSMST (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];* - Tư vấn thẩm định HSMST (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];* - Tư vấn đánh giá HSDST (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];*

[(2)] Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, tổng mức đầu tư được xác định theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

	- Tư vấn thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];* - Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];* - Tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];* - Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có):____ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];* - Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];* - Tư vấn kiểm định dự án PPP (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]*.
CDNĐT 5.2	Hội nghị tiền đấu thầu____ *[ghi "sẽ" hoặc "sẽ không"]* được tổ chức. *[Trường hợp hội nghị được tổ chức:_____ [ghi ngày, giờ, địa điểm tổ chức hội nghị]]*.
CDNĐT 6.1	Bên mời thầu____ *[ghi "sẽ" hoặc "sẽ không"]* tổ chức khảo sát hiện trường. *[Trường hợp bên mời thầu hướng dẫn nhà đầu tư khảo sát hiện trường thì ghi rõ thời gian, địa điểm]*.
CDNĐT 7.2	Văn bản sửa đổi HSMST sẽ được bên mời thầu đăng tải trên Hệ thống trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu_____ ngày *[ghi số ngày cụ thể, bảo đảm đủ thời gian để nhà đầu tư hoàn chỉnh HSDST và tối thiểu là 10 ngày]*.
CDNĐT 9	*[Căn cứ hình thức sơ tuyển, ghi rõ ngôn ngữ của HSDST:* *- Đối với sơ tuyển trong đấu thầu rộng rãi quốc tế:* HSDST cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDST trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng*:_____ [Trường hợp HSMST được viết bằng tiếng Anh thì*

	ghi "tiếng Anh"; HSMST được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDST căn cứ vào nội dung của bản HSMST bằng tiếng Anh"]. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDST có thể được viết bằng ngôn ngữ khác kèm theo bản dịch sang*:*_____ *[Trường hợp HSMST được viết bằng tiếng Anh thì ghi "tiếng Anh"; HSMST được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "ngôn ngữ mà nhà đầu tư lựa chọn để lập HSDST"].* Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung. *- Đối với sơ tuyển trong đấu thầu rộng rãi trong nước:* HSDST cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDST trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDST có thể được viết bằng ngôn ngữ khác kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.*]*
CDNĐT 10.5	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDST các tài liệu sau đây:____ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDST ngoài các nội dung quy định tại các Mục 10.1, 10.2 và 10.3 CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể và không làm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là "không áp dụng"].*
CDNĐT 12.1	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư: a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau: Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá

	trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp. b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây: - Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh; - Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 03 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển.
CDNĐT 12.2	a) Đồng tiền dùng để đánh giá:_____ *[ghi cụ thể 01 loại đồng tiền. Đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước thì là VND. Đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế thì có thể quy định là VND hoặc USD hoặc EUR...]* - Đồng tiền trung gian là:_____ *[ghi đồng tiền trung gian dùng để quy đổi về đồng tiền dùng để đánh giá]*. - Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là:_____ *[ghi thời điểm xác định tỷ giá quy đổi]*. - Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi:____ *[ghi cách tính tỷ giá chéo (tỷ giá mua vào, bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam)]*. b) Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDST các tài liệu sau đây:___ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDST ngoài các nội dung quy định tại điểm a Mục 12.2 CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất, loại hợp đồng dự án cụ thể và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là "không áp dụng"]*.
CDNĐT 13.1	Thời hạn hiệu lực của HSDST là:____ *[ghi cụ thể số ngày phù hợp, bảo đảm tiến độ thực hiện các công việc]* ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNĐT 14.1	Số lượng bản chụp HSDST là: ___ *[ghi số lượng bản chụp cần thiết, trường hợp không áp dụng thì ghi là:* không áp dụng*]*.

CDNĐT 16.1	- Thời điểm đóng thầu là: __ giờ__ phút, ngày__ tháng__ năm__ *[ghi thời điểm đóng thầu bảo đảm quy định thời gian từ ngày đầu tiên phát hành HSMST đến ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu là 30 ngày và không ghi thời điểm đóng thầu vào đầu giờ làm việc của một ngày để không làm hạn chế nhà đầu tư nộp HSDST]*.
CDNĐT 19.1	Thời điểm mở thầu là: ___ giờ___ phút, ngày__ tháng__ năm__ *[ghi ngày, giờ tiến hành việc mở thầu, trong đó cần lưu ý quy định thời điểm mở thầu trong vòng 01 giờ kể từ thời điểm đóng thầu],* tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: - Số nhà/số tầng/số phòng: - Tên đường, phố: - Thành phố:
CDNĐT 22.2	HSDST của nhà đầu tư có số điểm cao nhất được xếp thứ nhất. Trường hợp có nhiều hơn 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thì lựa chọn____ *[Căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể, bên mời thầu quy định số lượng nhà đầu tư trong danh sách ngắn bảo đảm tối thiểu là 03 nhà đầu tư và tối đa là 06 nhà đầu tư]* nhà đầu tư xếp hạng cao nhất vào danh sách ngắn.
CDNĐT 26.1	Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: a) Địa chỉ của bên mời thầu: _____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của bên mời thầu]*. b) Địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền: _____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của cơ quan có thẩm quyền]*.
CDNĐT 28	Thông tin của cá nhân, đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát, theo dõi: ____ *[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của cá nhân, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư của dự án (nếu có); trường hợp không thực hiện giám sát, theo dõi thì ghi "*không áp dụng*"]*.

CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HSDST

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSDST:

1.1. Kiểm tra HSDST

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDST;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDST, gồm: Đơn dự sơ tuyển; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự sơ tuyển; giấy ủy quyền (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư và các thành phần khác thuộc HSDST theo quy định tại Mục 10 CDNĐT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá HSDST.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSDST

HSDST của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDST;

b) Có đơn dự sơ tuyển được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự sơ tuyển phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đơn dự sơ tuyển được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có); không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên thay mặt liên danh ký đơn dự sơ tuyển theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) đối với trường hợp liên danh;

- Được ký trước khi bên mời thầu phát hành HSMST, ký trước khi có giấy ủy quyền ký đơn dự sơ tuyển (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu hoặc bỏ sót các nội dung quan trọng nêu trong Mẫu đơn dự sơ tuyển dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm và cam kết của nhà đầu tư trong quá trình tham dự thầu và thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu.

c) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị vốn chủ sở hữu mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển;

d) Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều HSDST với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên liên danh;

đ) Nhà đầu tư không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư PPP; không phải là nhà thầu đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

e) Thời hạn hiệu lực của HSDST đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 13 CDNĐT;

g) Nhà đầu tư có tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HSDST được coi là "Hợp lệ" khi tất cả các nội dung được đánh giá là "Đáp ứng". HSDST của nhà đầu tư được coi là "Không hợp lệ" khi có bất kỳ nội dung nào được đánh giá là "Không đáp ứng" và khi đó HSDST của nhà đầu tư sẽ bị loại. Nhà đầu tư có HSDST hợp lệ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 2. Đánh giá về lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện

Nhà đầu tư phải kê khai lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện theo Mẫu số 05 Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển. Nhà đầu tư bảo đảm việc kê khai nội dung này là đầy đủ và trung thực, nếu bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi gian lận theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Luật PPP và HSDST sẽ bị loại. Trường hợp sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp dẫn đến vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án thì nhà đầu tư phải cập

nhật vốn chủ sở hữu để chứng minh đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án theo HSMST, nếu nhà đầu tư vẫn không đáp ứng sẽ bị loại.

Mục 3. Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và phương án sơ bộ triển khai thực hiện dự án

3.1. Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và phương án sơ bộ triển khai thực hiện dự án sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm____ *[quy định là 100 hoặc 1.000]* trong đó mức yêu cầu tối thiểu để đáp ứng yêu cầu là___ % tổng số điểm *[quy định giá trị % nhưng không được thấp hơn 60%]* và điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản tối thiểu là___ % điểm tối đa của nội dung đó *[quy định giá trị % nhưng không thấp hơn 50%]*.

3.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu.

Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%.

b) Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp được đánh giá theo tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay các thành viên liên danh có khả năng thu xếp.

c) Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư liên danh bằng tổng số dự án của các thành viên liên danh đã thực hiện. Đối với kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, phải có ít nhất một thành viên liên danh có kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công đáp ứng yêu cầu của dự án đang xét. Trường hợp sử dụng đối tác, phải có thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa nhà đầu tư đứng đầu liên danh và đối tác.

3.3. Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và phương án sơ bộ triển khai thực hiện dự án của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

Bảng số 01

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM VÀ PHƯƠNG ÁN SƠ BỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[1]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
I. Năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư ***(chiếm tỷ trọng 90% tổng số điểm)***						
Năng lực tài chính ***(chiếm tỷ trọng 50 - 60% tổng số điểm của tiêu chuẩn tại Mục I Bảng này)***						
1	Vốn chủ sở hữu[2]				Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp là: _____ *[ghi giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 1.2* ***BDL****]*	Mẫu số 06
2	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp [3]				Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu là:___ *[ghi giá trị theo quy định tại Mục 1.2* ***BDL****]*	Mẫu số 06 và Mẫu số 07
Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư ***(chiếm tỷ trọng 40 - 50% tổng số điểm của tiêu chuẩn tại Mục I Bảng này)*** [4]						
3	Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (không áp				Số lượng dự án mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu	Mẫu số 08

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
	dụng đối với loại hợp đồng O&M)				hoặc nhà thầu chính:___ dự án *[ghi số lượng theo yêu cầu]* để đạt điểm yêu cầu tối thiểu. Cách xác định dự án như sau[(5)]: a) Loại 1: Dự án trong lĩnh vực_____ *[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét]* mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 - 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là__ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]*. - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về*	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					vốn chủ sở hữu của dự án đang xét theo quy định tại Mục 1.2 ***BDL*** *].* b) Loại 2: Dự án đầu tư theo phương thức PPP; dự án đầu tư để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 - 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là__ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét].* - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về*	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					vốn chủ sở hữu của dự án đang xét theo quy định tại Mục 1.2 ***BDL*** *].* c) Loại 3: Dự án trong lĩnh vực tương tự mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng____ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 - 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có phạm vi công việc tương tự với phần công việc chính của dự án đang xét_____ *[bên mời thầu quy định cụ thể tính chất tương tự];* - Có giá trị tối thiểu là___ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30% - 70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].* d) Loại 4: Dự án trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công mà	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu chính, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 - 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có phạm vi công việc tương tự với phần công việc chính của dự án đang xét_____ *[bên mời thầu quy định cụ thể tính chất tương tự];* - Có giá trị tối thiểu là___ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30% - 70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét]*.	
4	Kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công[(6)]				Số lượng dự án (trong đó gồm nội dung công việc vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công) tương tự trong lĩnh vực_____ *[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh*	Mẫu số 08

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					vực của dự án đang xét] mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính, đối tác:____ dự án *[ghi số lượng theo yêu cầu]* để đạt điểm yêu cầu tối thiểu. Cách xác định dự án như sau[(7)]: a) Loại 1: Dự án mà nhà đầu tư đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 - 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* với vai trò là nhà đầu tư và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là__ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]* - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về*	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết(1)	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					vốn chủ sở hữu của dự án đang xét theo quy định tại Mục 1.2 ***BDL*** *].* b) Loại 2: Dự án/gói thầu/hợp đồng mà nhà đầu đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 - 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* với vai trò là nhà thầu chính vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công với giá trị tối thiểu là____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30% - 70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].* c) Loại 3 (không áp dụng đối với loại hợp đồng O&M): Dự án đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 - 05 năm trước năm có thời*	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[1]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					điểm đóng thầu] của đối tác (đối với trường hợp nhà đầu tư có thỏa thuận hợp tác với đối tác để tham gia thực hiện công việc vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trong dự án đang xét) với giá trị hoặc tổng mức đầu tư tối thiểu bằng_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]*.	
5	Kinh nghiệm thực hiện dự án PPP tương tự tại các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development - OECD)[8]				Số lượng dự án đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 - 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu là_____ dự án *[ghi số lượng theo yêu cầu]* để đạt điểm yêu cầu tối thiểu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:	Mẫu số 08

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					- Trong lĩnh vực_____ *[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét];* - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là_____ *[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét].*	
II. Phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ và cam kết thực hiện dự án *(chiếm tỷ trọng 10% tổng số điểm)*						**Mẫu số 09**
1	Cách tiếp cận và phương pháp luận (gồm nhận xét về báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án)					
2	Đề xuất sơ bộ cách thức triển khai dự án (gồm khả năng triển khai xây dựng, kinh doanh, khai thác công					

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[1]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
	trình dự án, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; sáng kiến cải tiến) và cam kết thực hiện dự án					
3	Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt (nếu cần thiết)					
III. Các tiêu chuẩn khác[9]						

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu quy định chi tiết hơn thang điểm đánh giá đối với từng tiêu chí.

[Ví dụ: Đối với tiêu chí "Kinh nghiệm của nhà đầu tư", bên mời thầu có thể quy định thang điểm chi tiết như sau:

- Nhà đầu tư đã thực hiện 1 - 2 dự án: 50% điểm tối đa;

- Nhà đầu tư đã thực hiện 3 - 4 dự án: 70% điểm tối đa;

- Nhà đầu tư đã thực hiện từ 5 dự án trở lên: 100% điểm tối đa.]

(2) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính trong báo cáo tài chính năm gần nhất của nhà đầu tư đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có). Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án PPP.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án PPP, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP có trách nhiệm gửi cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP

phương án đảm bảo huy động đủ vốn chủ sở hữu và các tài liệu chứng minh đảm bảo đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại hợp đồng dự án PPP, làm cơ sở giám sát huy động vốn của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 06 và cung cấp cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu theo Mẫu số 07 tại Chương V - Biểu mẫu dự sơ tuyển.

(3) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết huy động vốn vay theo Mẫu số 07 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển. Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác theo quy định của pháp luật đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm thu xếp của nhà đầu tư.

(4) Kinh nghiệm của nhà đầu tư:

(i) Các dự án, gói thầu nhà đầu tư thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá.

(ii) Hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn:

- Đối với dự án, gói thầu có cấu phần xây dựng: đã được xác nhận hoàn thành hoặc nghiệm thu hạng mục công trình, công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định.

- Đối với dự án, gói thầu không có cấu phần xây dựng: đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định.

(iii) Đối với dự án có quy mô đầu tư lớn, không có nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, bên mời thầu căn cứ dữ liệu về các dự án đã thực hiện, khả năng phân kỳ đầu tư của dự án đang xét để xác định yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư. Trong trường hợp này, yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư có thể được chỉnh sửa theo hướng thấp hơn so với hướng dẫn nhưng phải bảo đảm phù hợp với thực tế cũng như yêu cầu thực hiện dự án. Trong quá trình xem xét, đánh giá, bên mời thầu phải bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ năng lực tài chính, năng

lực kỹ thuật để thực hiện dự án. Yêu cầu thực hiện dự án trong HSMST, hồ sơ mời thầu cũng như hợp đồng phải bảo đảm quy định đầy đủ trách nhiệm của nhà đầu tư cũng như biện pháp xử lý (xử phạt, đền bù thiệt hại, xử lý trong giai đoạn tiếp theo) trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng. Cơ quan có thẩm quyền có thể quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% tổng mức đầu tư của dự án.

(5), (7) Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất trong tiêu chuẩn này.

Cách thức quy đổi các dự án: _____ *[bên mời thầu quy định 01 dự án thuộc loại 2 hoặc 3 bằng tối đa 0,75 dự án thuộc loại 1; 01 dự án thuộc loại 4 bằng tối đa 0,5 dự án thuộc loại 1 và cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ]*.

(6) Trường hợp dự án được kê khai để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, trong đó gồm công việc vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thì được sử dụng để chứng minh tính đáp ứng đối với tiêu chuẩn này.

Trường hợp nhà đầu tư sử dụng đối tác cùng thực hiện dự án, nhà đầu tư phải cung cấp hợp đồng nguyên tắc, thỏa thuận giữa nhà đầu tư và đối tác hoặc cam kết của đối tác về việc tham gia thực hiện dự án.

(8) Tiêu chuẩn này chỉ áp dụng đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế. Căn cứ tính chất, yêu cầu cụ thể của dự án bên mời thầu xác định tiêu chí ưu tiên và tỷ trọng điểm phù hợp.

(9) Căn cứ quy mô, tính chất, loại hợp đồng dự án cụ thể và điều kiện riêng biệt (nếu có) của dự án, bên mời thầu đưa ra các tiêu chí phù hợp khác như: giá trị tài sản ròng, doanh thu, lợi nhuận... Trong trường hợp này, bên mời thầu phải nêu rõ yêu cầu và thang điểm chi tiết để làm cơ sở đánh giá.

CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ SƠ TUYỂN

1. Mẫu số 01: Đơn dự sơ tuyển

2. Mẫu số 02: Giấy ủy quyền

3. Mẫu số 03: Thỏa thuận liên danh

4. Mẫu số 04: Thông tin về nhà đầu tư

5. Mẫu số 05: Lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện

6. Mẫu số 06: Năng lực tài chính của nhà đầu tư

7. Mẫu số 07: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư

8. Mẫu số 08: Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư

9. Mẫu số 09: Phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ SƠ TUYỂN [(1)]

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

Kính gửi:___ *[ghi tên bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời sơ tuyển của dự án___ *[ghi tên dự án]* do_____ *[ghi tên bên mời thầu]* (sau đây gọi tắt là Bên mời thầu) phát hành ngày___ *[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời sơ tuyển cho nhà đầu tư]* và văn bản sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển số___ ngày___ *[ghi số, ngày của văn bản sửa đổi (nếu có)]*, chúng tôi, ___ *[ghi tên nhà đầu tư]* nộp hồ sơ dự sơ tuyển đối với dự án nêu trên. Hồ sơ dự sơ tuyển này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên mời thầu bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác khi Bên mời thầu có yêu cầu.

Chúng tôi cam kết[(2)]:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự sơ tuyển này với tư cách là nhà đầu tư độc lập, thành viên liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm khác của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP, pháp luật về đấu thầu khi tham dự dự án này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển là chính xác, trung thực.

6. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình sơ tuyển.

Hồ sơ dự sơ tuyển này có hiệu lực trong thời gian____ ngày[(3)] *[ghi số ngày]*, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư [(4)]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)[(5)]]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà đầu tư, thời gian có hiệu lực của HSDST.

(2) Trường hợp phát hiện nhà đầu tư vi phạm các cam kết này thì nhà đầu tư bị coi là có hành vi gian lận, HSDST bị loại và nhà đầu tư sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định.

(3) Thời gian có hiệu lực của HSDST được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMST. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 01 ngày.

(4) Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự sơ tuyển phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự sơ tuyển phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

(5) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong đơn dự sơ tuyển và các tài liệu khác trong HSDST là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày___ tháng___ năm___, tại___

Tôi là___ *[ghi tên, số CMND/số hộ chiếu/số CCCD, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư],* là người đại diện theo pháp luật của___ *[ghi tên nhà đầu tư]* có địa chỉ tại___ *[ghi địa chỉ của nhà đầu tư]*, bằng văn bản này ủy quyền cho: ___ *[ghi tên, số CMND/số hộ chiếu/số CCCD, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án___ *[ghi tên dự án]* do___ *[ghi tên bên mời thầu]* tổ chức:

[Phạm vi ủy quyền gồm một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn dự sơ tuyển;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia sơ tuyển, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển;

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);

- Các công việc khác (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của___ *[ghi tên nhà đầu tư]*._____ *[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do_____ *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày____ đến ngày____[(1)]. Giấy ủy quyền này được lập thành____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ____ bản.

Người được ủy quyền giữ____ bản. Đính kèm theo bản gốc của Hồ sơ dự sơ tuyển một (01) bản gốc./.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)(2)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)(3)]*

Ghi chú:

(1) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

(2), (3) Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ___ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:
- Mã số thuế:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số__ ngày__ tháng__năm__ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án___ *[ghi tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là:___ *[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án này.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình sơ tuyển và lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho____ *[ghi tên một thành viên]* là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau:

[Thành viên đứng đầu liên danh có thể đại diện cho liên danh để thực hiện một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn dự sơ tuyển;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia sơ tuyển, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển;

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);

- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh[(1)]:

TT	**Tên thành viên**	**Vai trò tham gia** *[Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...]*	**Vốn chủ sở hữu**	
			Giá trị	**Tỷ lệ %**
1	Thành viên 1 *[Đứng đầu liên danh]*			*[tối thiểu 30%]*
2	Thành viên 2			*[tối thiểu 15%]*
3	Thành viên 3			*[tối thiểu 15%]*
.....				
		Tổng	....	**100%**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không được lựa chọn vào danh sách ngắn;

- Liên danh không trúng thầu;

- Hủy việc sơ tuyển dự án theo thông báo của bên mời thầu;

- Hủy việc lựa chọn nhà đầu tư theo thông báo của bên mời thầu;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng dự án.

Thỏa thuận liên danh này được lập thành___ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ___ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự sơ tuyển 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh(2)

[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)(3)]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải kê khai vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và tỷ lệ phần trăm góp vốn chủ sở hữu trong liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.

Mẫu số 04

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm)___, ngày___ tháng___ năm___

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư:

3. Năm thành lập:

4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư tại quốc gia đăng ký:

5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư:

- Tên:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại/fax:

- Địa chỉ e-mail:

6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

Mẫu số 05

LỊCH SỬ TRANH CHẤP, KHIẾU KIỆN ĐỐI VỚI CÁC HỢP ĐỒNG ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN(1)

Tên nhà đầu tư:_____

Ngày:_____

Tên thành viên của nhà đầu tư liên danh (nếu có):_____

Các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện			
Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây: ❑ Không có tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện. ❑ Dưới đây là mô tả về các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện mà nhà đầu tư là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà đầu tư liên danh).			
Năm	**Vấn đề tranh chấp, khiếu kiện**	**Giá trị tranh chấp, khiếu kiện(2)**	**Tỷ lệ tương ứng với vốn chủ sở hữu**

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư bảo đảm việc kê khai nội dung này là đầy đủ và trung thực, nếu bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi gian lận theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Luật PPP và HSDST sẽ bị loại. Trường hợp sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp dẫn đến vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án thì nhà đầu tư phải cập nhật vốn chủ sở hữu để chứng minh đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án theo HSMST, nếu nhà đầu tư vẫn không đáp ứng sẽ bị loại.

Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Đồng tiền là đồng tiền quy định tại Mục 12.2 **BDL**.

Mẫu số 06

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ[1]

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh[2]:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính[3]:

STT	Nội dung	Giá trị
I	**Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án**	
II	**Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư**	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện[4] (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có))	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm[5]

- Báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có).

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án PPP.

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn đang thực hiện, phương án huy động vốn chủ sở hữu theo tiến độ thực hiện dự án PPP kê khai tại HSDST. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Luật PPP và bị xử lý theo quy định tại Mục 27 CDNĐT.

(3) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

(5) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;…).

Mẫu số 07

CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm)____, ngày___ tháng___ năm___

1. Tôi là___ *[ghi tên]*, ___ *[ghi chức vụ]*, là đại diện hợp pháp của___ *[Ghi tên nhà đầu tư/tên liên danh nhà đầu tư]*, xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp trong văn bản này là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

Nguồn tài chính	Giá trị [(1)]
I. Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án:	
1.	
2.	
…	
II. Vốn vay nhà đầu tư phải huy động:	
1.	
2.	
…	
III. Vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu của doanh nghiệp dự án	
1.	
2.	
…	

3. Tài liệu kèm theo:

- Đối với vốn chủ sở hữu: Văn bản cam kết bảo đảm đủ vốn chủ sở hữu theo phương án tài chính cho dự án của đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ kèm theo các tài liệu chứng minh về thẩm quyền ký cam kết.

- Đối với vốn vay: Văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác theo quy định của pháp luật kèm theo các tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký cam kết.

- Đối với vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu: Thỏa thuận bằng văn bản giữa nhà đầu tư mua trái phiếu hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật và nhà đầu tư.

- Tài liệu liên quan khác.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Ghi số tiền bằng số, bằng chữ theo đồng tiền quy định tại Mục 12.2 **BDL**.

Mẫu số 08

KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ [(1)]

(Địa điểm)___, ngày___ tháng___ năm___

[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án theo yêu cầu của bên mời thầu]

1. Dự án số 01: ___ *[ghi tên dự án]*

Tên nhà đầu tư/tên thành viên liên danh:	
1	Số hợp đồng: Ngày ký:
2	Tên dự án/gói thầu:
3	Quốc gia thực hiện dự án:
4	Hình thức đầu tư dự án □ Đầu tư theo phương thức PPP □ Đầu tư không theo phương thức PPP
5	Lĩnh vực đầu tư của dự án
6	Tham gia dự án với vai trò: □ Nhà đầu tư độc lập □ Thành viên liên danh nhà đầu tư □ Nhà thầu quản lý dự án □ Nhà thầu chính xây lắp □ Nhà thầu chính vận hành
7	Tên cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
8	Thông tin chi tiết
8.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư

	Tiến độ, chất lượng thực hiện dự án [(2)]: □ Đang trong giai đoạn xây dựng, đã nghiệm thu hạng mục công trình, □ Đã xác nhận hoàn thành hoặc nghiệm thu công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng □ Đang trong giai đoạn vận hành □ Đã kết thúc
	Tổng mức đầu tư:
	Tỷ lệ góp vốn (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):
	Vốn chủ sở hữu đã được huy động:
	Vốn vay đã được huy động:
	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương... VNĐ
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương... VNĐ
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:
8.2	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà thầu
	Phạm vi công việc nhà đầu tư tham gia thực hiện:
	Giá trị phần công việc nhà đầu tư tham gia thực hiện:
	Tiến độ, chất lượng thực hiện[(3)]:
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật:

2. Dự án số 02:___ *[ghi tên dự án]*

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu có thể điều chỉnh, bổ sung yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này để phù hợp với tiêu chí đánh giá về kinh nghiệm của nhà đầu tư

(2), (3) Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai và tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng như bản sao công chứng hợp đồng, quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án), chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu)…

Mẫu số 09

PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN SƠ BỘ

Nhà đầu tư chuẩn bị phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ gồm các phần:

1. Cách tiếp cận và phương pháp luận (gồm nhận xét về báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án).

2. Đề xuất sơ bộ cách thức triển khai dự án (gồm khả năng triển khai xây dựng, kinh doanh, khai thác công trình dự án, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; sáng kiến cải tiến).

3. Cam kết thực hiện dự án.

4. Năng lực, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt theo yêu cầu của HSMST.

5. Các nội dung khác theo yêu cầu của HSMST.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời thầu căn cứ nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo nghiên cứu khả thi; thiết kế, dự toán (trường hợp áp dụng) đã được phê duyệt của dự án để xác định yêu cầu thực hiện dự án (trường hợp cần thiết, phát hành kèm theo HSMST các tài liệu này). Yêu cầu thực hiện dự án gồm:

- Tên dự án;

- Tên cơ quan có thẩm quyền;

- Tên cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư;

- Tên đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư đề xuất dự án;

- Mục tiêu của dự án;

- Quy mô, công suất của dự án;

- Địa điểm thực hiện dự án;

- Nhu cầu sử dụng đất, mặt đất và tài nguyên khác (nếu có);

- Phương án bồi thường tái định cư;

- Địa điểm, quy mô, công suất dự án, diện tích sử dụng đất;

- Yêu cầu về kỹ thuật;

- Tổng mức đầu tư;

- Phần vốn nhà nước trong dự án, cách thức quản lý và sử dụng phần vốn này (nếu có);

- Loại hợp đồng dự án;

- Các chỉ tiêu chính thuộc phương án tài chính;

- Thời gian thực hiện dự án;

- Ưu đãi và bảo đảm đầu tư;

- Các nội dung liên quan khác.

Phụ lục II

MẪU HỒ SƠ MỜI ĐÀM PHÁN

ĐỐI VỚI DỰ ÁN PPP ÁP DỤNG HÌNH THỨC ĐÀM PHÁN CẠNH TRANH THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2 VÀ KHOẢN 3 ĐIỀU 38 CỦA LUẬT PPP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

HỒ SƠ MỜI ĐÀM PHÁN

Tên dự án: _____

[ghi tên dự án theo quyết định chủ trương đầu tư]

Phát hành ngày: _____

[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời đàm phán cho nhà đầu tư]

Ban hành kèm theo Quyết định: _____

[ghi số và ngày phát hành quyết định phê duyệt hồ sơ mời đàm phán]

Tư vấn lập hồ sơ mời đàm phán (nếu có)	**Bên mời thầu**
[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên, ký tên, đóng dấu]*

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC ĐÀM PHÁN CẠNH TRANH

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương II. Bảng dữ liệu

Chương III. Đánh giá hồ sơ về năng lực, kinh nghiệm

Chương IV. Kế hoạch đàm phán

Chương V. Tổ chức đàm phán

Chương VI. Biểu mẫu dự thầu

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC ĐÀM PHÁN CẠNH TRANH

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự đàm phán. Thông tin gồm quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự đàm phán; mở hồ sơ về năng lực, kinh nghiệm; đánh giá hồ sơ về năng lực, kinh nghiệm; lựa chọn nhà đầu tư vào danh sách ngắn; kế hoạch đàm phán và tổ chức đàm phán.

Chương II. Bảng dữ liệu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng dự án.

Chương III. Đánh giá hồ sơ về năng lực, kinh nghiệm

Chương này gồm quy định về phương pháp và tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ về năng lực, kinh nghiệm.

Chương IV. Kế hoạch đàm phán

Chương này gồm quy định về việc lập kế hoạch đàm phán dự kiến với các nhà đầu tư trong danh sách ngắn.

Chương V. Tổ chức đàm phán

Chương này gồm quy định về yêu cầu chung đối với đàm phán và quá trình tổ chức đàm phán.

Chương VI. Biểu mẫu dự thầu

Chương này gồm quy định về các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để tạo thành một phần nội dung của hồ sơ dự đàm phán.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Bên mời thầu căn cứ nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư để xác định yêu cầu sơ bộ thực hiện dự án. Trường hợp cần thiết, phát hành kèm theo hồ sơ mời đàm phán các tài liệu này.

Bên mời thầu căn cứ nội dung quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP để xây dựng các nội dung cơ bản của hợp đồng dự án.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu
CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
HSDĐP	Hồ sơ dự đàm phán
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSMĐP	Hồ sơ mời đàm phán
HSMT	Hồ sơ mời thầu
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
HSNLKN	Hồ sơ về năng lực, kinh nghiệm
HSĐXKTTCTM	Hồ sơ đề xuất sơ bộ về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại
Luật PPP	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14
Nghị định số 35/2021/NĐ-CP	Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg	Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển
Nghị định số 76/2018/NĐ-CP	Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

PHẦN 1. THỦ TỤC MỜI ĐÀM PHÁN CẠNH TRANH

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nội dung mời tham dự đàm phán cạnh tranh	1.1. Bên mời thầu với tên và địa chỉ quy định tại **BDL** mời nhà đầu tư quan tâm nộp HSDĐP đối với dự án được mô tả tại Phần 2 - Yêu cầu thực hiện dự án và nội dung cơ bản của hợp đồng dự án. 1.2. Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay của nhà đầu tư được quy định tại **BDL**. 1.3. Các thông tin cơ bản về dự án được nêu tại **BDL**. 1.4. Nhà đầu tư phải thực hiện các thủ tục để được cấp chứng thư số trên Hệ thống.
2. Hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư theo phương thức PPP	Hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư theo phương thức PPP gồm các hành vi theo quy định tại Điều 10 Luật PPP.
3. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư	Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 3.1. Có đăng ký thành lập, hoạt động được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà nhà đầu tư đang hoạt động; 3.2. Hạch toán tài chính độc lập; bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 30 Luật PPP và Điều 29 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, thông tin về các nhà thầu tư vấn theo quy định tại **BDL**; 3.3. Không đang trong quá trình giải thể; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; 3.4. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP, không phải là

	nhà thầu đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; 3.5. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phải liên danh với nhà đầu tư thuộc khu vực tư nhân để tham dự thầu; 3.6. Nhà đầu tư thành lập theo pháp luật nước ngoài phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường khi tham gia lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.
4. Nội dung HSMĐP	4.1. HSMĐP gồm có Phần 1, Phần 2 và các tài liệu sửa đổi HSMĐP (nếu có) theo quy định tại Mục 7 CDNĐT, trong đó gồm các nội dung sau đây: **Phần 1. Thủ tục mời đàm phán cạnh tranh** - Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư - Chương II. Bảng dữ liệu - Chương III. Đánh giá HSNLKN - Chương IV. Chuẩn bị đàm phán - Chương V. Tổ chức đàm phán - Chương VI. Biểu mẫu dự thầu **Phần 2. Yêu cầu thực hiện dự án và nội dung cơ bản của hợp đồng dự án** 4.2. Thông báo mời thầu do bên mời thầu phát hành chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSMĐP. 4.3. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSMĐP, tài liệu giải thích làm rõ HSMĐP, các tài liệu sửa đổi HSMĐP không do bên mời thầu cung cấp. 4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, BDL, biểu mẫu, báo cáo tóm tắt dự án và các yêu cầu khác trong HSMĐP để chuẩn bị HSDĐP.

5. Làm rõ HSMĐP, hội nghị tiền đấu thầu	5.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSMĐP, nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu hoặc thông qua Hệ thống tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Trường hợp văn bản đề nghị làm rõ được gửi thông qua Hệ thống, nhà đầu tư cần ghi rõ tiêu đề "ĐỀ NGHỊ LÀM RÕ HSMĐP". 5.2. Bên mời thầu làm rõ HSMĐP khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ trong thời hạn nêu trên. Nội dung làm rõ HSMĐP phải được đăng tải ngay trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu; trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Nội dung làm rõ HSMĐP không được trái với nội dung của HSMĐP đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSMĐP dẫn đến phải sửa đổi HSMĐP thì việc sửa đổi HSMĐP thực hiện theo quy định tại Mục 7 CDNĐT. 5.3. Trường hợp nhà đầu tư muốn đề nghị bên mời thầu bảo mật thông tin về đề nghị làm rõ của nhà đầu tư đó và nội dung làm rõ tương ứng của bên mời thầu vì lý do liên quan đến thương mại, trong văn bản đề nghị làm rõ của nhà đầu tư gửi bên mời thầu cần nêu rõ nội dung và lý do tương ứng. Bên mời thầu có quyền chấp nhận hoặc từ chối đề nghị bảo mật của nhà đầu tư căn cứ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Trường hợp từ chối, bên mời thầu thông báo cho nhà đầu tư bằng văn bản, trong đó yêu cầu nhà đầu tư chấp nhận việc làm rõ của bên mời thầu tại Mục 5.2 CDNĐT hoặc nếu nhà đầu tư không chấp nhận thì có thể rút văn bản đề nghị làm rõ. 5.4. Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu theo quy định tại **BDL**. Mục đích của

	hội nghị là giải thích, làm rõ các vấn đề và trả lời các câu hỏi mà nhà đầu tư thấy chưa rõ liên quan đến nội dung HSMĐP. Để tạo điều kiện thuận lợi cho bên mời thầu trả lời yêu cầu làm rõ HSMĐP, nhà đầu tư nên gửi yêu cầu làm rõ đến bên mời thầu trước ngày tổ chức hội nghị tiền đấu thầu. Nội dung trao đổi tại hội nghị tiền đấu thầu sẽ được bên mời thầu ghi lại thành biên bản, trong đó nêu rõ câu hỏi của nhà đầu tư và câu trả lời của bên mời thầu nhưng không nêu tên nhà đầu tư có câu hỏi. Các nội dung làm rõ được lập thành văn bản làm rõ HSMĐP và đăng tải trên Hệ thống theo quy định tại Mục 5.2 CDNĐT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMĐP. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà đầu tư. Trường hợp HSMĐP cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, bên mời thầu sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định tại Mục 7 CDNĐT.
6. Khảo sát hiện trường	6.1. Nhà đầu tư được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án với điều kiện nhà đầu tư cam kết rằng bên mời thầu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường theo quy định tại **BDL**. 6.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho bên mời thầu về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án.
7. Sửa đổi HSMĐP	7.1. Việc sửa đổi HSMĐP được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc đăng tải văn bản sửa đổi

	HSMĐP trên Hệ thống. Văn bản sửa đổi HSMĐP, gồm quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi, được coi là một phần của HSMĐP. Nhà đầu tư có trách nhiệm thường xuyên truy cập vào Hệ thống để cập nhật các thông tin về HSMĐP. 7.2. Thời gian đăng tải văn bản sửa đổi HSMĐP theo quy định tại **BDL**. Trường hợp thời gian đăng tải văn bản sửa đổi HSMĐP không đáp ứng theo quy định tại Mục này thì bên mời thầu phải thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian tại Mục này. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 16.2 CDNĐT.
8. Chi phí dự thầu	Nhà đầu tư phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDĐP. Trong mọi trường hợp, bên mời thầu không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà đầu tư.
9. Ngôn ngữ của HSDĐP	HSDĐP cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDĐP trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ quy định tại **BDL**.
10. Thành phần của HSDĐP	HSDĐP gồm HSNLKN và HSĐXKTTCTM, trong đó: 10.1. HSNLKN phải gồm các thành phần sau đây: a) Đơn dự đàm phán theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; b) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự đàm phán theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; c) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 12 CDNĐT; d) Biểu mẫu dự thầu; 10.2. HSĐXKTTCTM phải gồm các thành phần sau đây: a) Đề xuất phương án sơ bộ về kỹ thuật theo Mẫu số 10 Chương VI - Biểu mẫu dự thầu. Nhà đầu tư tham dự thầu chỉ được đề xuất 01 (một) giải pháp kỹ thuật, công nghệ;

	b) Đề xuất phương án sơ bộ về tài chính - thương mại theo Mẫu số 11 Chương VI - Biểu mẫu dự thầu. Nhà đầu tư tham dự thầu chỉ được đề xuất 01 (một) phương án tài chính thương mại; c) Góp ý đối với dự án (nếu có). 10.3. Nội dung khác theo quy định tại **BDL**.
11. Đơn dự đàm phán	11.1. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự đàm phán phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01 tại Chương VI - Biểu mẫu dự thầu, được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền. Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương VI - Biểu mẫu dự thầu; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương VI - Biểu mẫu dự thầu). Bản gốc giấy ủy quyền (lập theo Mẫu số 02 Chương VI - Biểu mẫu dự thầu) phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự đàm phán. 11.2. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự đàm phán phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01 tại Chương VI - Biểu mẫu dự thầu, do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

	Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, thực hiện tương tự nhà đầu tư độc lập theo quy định tại Mục 11.1 CDNĐT.
12. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư	12.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định tại **BDL**. 12.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư gồm: a) Năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu tại Chương VI - Biểu mẫu dự thầu. Trường hợp đồng tiền nêu trong các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm không phải đồng tiền theo quy định tại **BDL** thì khi lập HSDĐP, nhà đầu tư phải quy đổi về đồng tiền tương ứng theo quy định tại Mục này để làm cơ sở đánh giá HSDĐP; trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền này thì nhà đầu tư sử dụng đồng tiền trung gian theo quy định tại **BDL** để làm cơ sở quy đổi và kê khai trong HSDĐP; b) Tài liệu chứng minh giải pháp kỹ thuật, công nghệ và quyền sử dụng hợp pháp kỹ thuật và công nghệ mà nhà đầu tư dự kiến đề xuất thực hiện dự án; c) Các tài liệu khác theo quy định tại **BDL**.
13. Thời gian có hiệu lực của HSDĐP	13.1. HSDĐP phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại BDL. HSDĐP nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá. 13.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDĐP, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của HSDĐP. Nếu nhà đầu tư không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDĐP thì

	HSDĐP của nhà đầu tư không được tiếp tục xem xét, đánh giá. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.
14. Quy cách HSDĐP và chữ ký trong HSDĐP	14.1. HSDĐP gồm HSNLKN và HSĐXKTTCTM được niêm phong riêng biệt. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSDĐP gồm: 01 bản gốc HSNLKN, 01 bản gốc HSĐXKTTCTM và một số bản chụp HSNLKN, HSĐXKTTCTM theo số lượng quy định tại **BDL**. Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSNLKN, HSĐXKTTCTM thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp với số lượng bằng số lượng bản chụp HSNLKN, HSĐXKTTCTM. 14.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi danh sách ngắn thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi danh sách ngắn thì HSDĐP của nhà đầu tư bị loại. 14.3. Bản gốc của HSDĐP phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự đàm phán, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDĐP (nếu có) và các biểu mẫu khác được lập theo quy định tại Chương VI - Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên và đóng dấu (nếu có). 14.4. Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì các nội dung của HSDĐP quy định tại Mục 14.3 CDNĐT phải được

	đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm tại thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Văn bản thỏa thuận liên danh phải được đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). 14.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự đàm phán.
15. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDĐP	15.1. Bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC HỒ SƠ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM", "BẢN CHỤP HỒ SƠ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM", "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SƠ BỘ VỀ MẶT KỸ THUẬT, TÀI CHÍNH - THƯƠNG MẠI", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SƠ BỘ VỀ MẶT KỸ THUẬT, TÀI CHÍNH - THƯƠNG MẠI". Trường hợp nhà đầu tư có sửa đổi, thay thế HSDĐP thì phải được đựng trong các túi riêng biệt; bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC HỒ SƠ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HỒ SƠ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC HỒ SƠ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM THAY THẾ", "BẢN CHỤP HỒ SƠ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM THAY THẾ", "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SƠ BỘ VỀ MẶT KỸ THUẬT, TÀI CHÍNH - THƯƠNG MẠI SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SƠ BỘ VỀ MẶT KỸ THUẬT, TÀI CHÍNH - THƯƠNG MẠI SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SƠ BỘ VỀ MẶT KỸ THUẬT, TÀI CHÍNH - THƯƠNG MẠI THAY THẾ",

	"BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SƠ BỘ VỀ MẶT KỸ THUẬT, TÀI CHÍNH - THƯƠNG MẠI THAY THẾ" . Các túi đựng HSNLKN, HSNLKN sửa đổi, thay thế, HSĐXKTTCTM, HSĐXKTTCTM sửa đổi, thay thế phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà đầu tư. 15.2. Trên túi đựng hồ sơ phải ghi đầy đủ các thông tin: a) Tên và địa chỉ của nhà đầu tư; b) Tên người nhận là tên bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT; c) Tên dự án theo quy định tại Mục 1.3 CDNĐT; d) Dòng chữ cảnh báo: "không được mở trước thời điểm mở HSNLKN" đối với túi đựng HSNLKN, túi đựng HSNLKN sửa đổi, túi đựng HSNLKN thay thế; "không được mở trước thời điểm mở HSĐXKTTCTM" đối với túi đựng HSĐXKTTCTM, túi đựng HSĐXKTTCTM sửa đổi, túi đựng HSĐXKTTCTM thay thế. 15.3. Trong trường hợp HSDĐP gồm nhiều tài liệu, nhà đầu tư cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDĐP của bên mời thầu được thuận tiện, bảo đảm sự toàn vẹn của HSDĐP, tránh thất lạc, mất mát. 15.4. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMĐP này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDĐP trong quá trình chuyển đến bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDĐP theo hướng dẫn quy định tại các Mục 15.1 và Mục 15.2 CDNĐT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDĐP nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng quy định nêu trên.

16. Thời điểm đóng thầu	16.1. Bên mời thầu tiếp nhận HSDĐP của tất cả nhà đầu tư nộp HSDĐP trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại **BDL**. 16.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu trong trường hợp sửa đổi HSMĐP theo quy định tại Mục 7.2 CDNĐT. 16.3. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của bên mời thầu và nhà đầu tư theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn. Bên mời thầu đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống, trong đó nêu rõ lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu mới. Nhà đầu tư đã nộp HSDĐP có thể nhận lại HSDĐP của mình để sửa đổi, bổ sung. Trường hợp nhà đầu tư chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDĐP thì bên mời thầu quản lý HSDĐP đó theo chế độ quản lý hồ sơ "mật".
17. HSDĐP nộp muộn	Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDĐP nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDĐP nào mà bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDĐP nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư.
18. Sửa đổi, thay thế và rút HSDĐP	18.1. Sau khi nộp HSDĐP, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDĐP bằng cách gửi văn bản đề nghị do đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) đến bên mời thầu. Nhà đầu tư phải gửi kèm theo các tài liệu theo quy định tại Mục 12 CDNĐT chứng minh tư cách hợp lệ của người ký văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDĐP. 18.2. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDĐP phải được gửi kèm với văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau:

	a) Được nhà đầu tư chuẩn bị và nộp cho bên mời thầu theo quy định tại Mục 14 và Mục 15 CDNĐT; b) Được bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16 CDNĐT. 18.3. Văn bản đề nghị rút HSDĐP phải bảo đảm được bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16 CDNĐT. HSDĐP mà nhà đầu tư yêu cầu rút sẽ được trả lại cho nhà đầu tư.
19. Mở HSNLKN	19.1. Ngoại trừ trường hợp HSDĐP nộp muộn theo quy định tại Mục 17 CDNĐT và HSDĐP mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 18.3 CDNĐT, bên mời thầu phải mở HSNLKN của tất cả HSDĐP đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. HSĐXKTTCTM của tất cả HSDĐP đã nhận được trước thời điểm đóng thầu được giữ nguyên niêm phong và bảo quản theo chế độ mật. 19.2. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại **BDL** trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư tham dự thầu. Chỉ có các HSNLKN được mở và đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. 19.3. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSNLKN theo trình tự sau đây: a) Kiểm tra niêm phong; b) Mở bản gốc HSNLKN, HSNLKN sửa đổi (nếu có) hoặc HSNLKN thay thế (nếu có) và đọc rõ những thông tin sau: tên nhà đầu tư, hiệu lực của HSNLKN và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết;

	c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự đàm phán, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSNLKN nào khi mở thầu, trừ các HSDĐP nộp muộn theo quy định tại Mục 17 CDNĐT và HSDĐP mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 18.3 CDNĐT. 19.4. Đối với trường hợp rút HSDĐP Bên mời thầu sẽ mở và đọc rõ các thông tin văn bản đề nghị rút HSDĐP. HSDĐP của nhà đầu tư có đề nghị rút HSDĐP sẽ được trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư rút HSDĐP và vẫn mở HSNLKN tương ứng nếu văn bản đề nghị rút HSDĐP không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 19.5. Đối với trường hợp sửa đổi HSDĐP Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị sửa đổi HSNLKN, HSNLKN sửa đổi trước khi mở túi đựng và đọc rõ thông tin trong HSNLKN ban đầu của nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSNLKN nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSNLKN không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 19.6. Đối với trường hợp thay thế HSDĐP Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị thay thế HSNLKN, HSNLKN thay thế. HSNLKN ban đầu sẽ được trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSNLKN nếu văn bản đề nghị thay thế HSNLKN không

	kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 19.7. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó gồm các thông tin quy định tại các Mục 19.3, 19.4, 19.5 và 19.6 CDNĐT. Đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký của nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà đầu tư tham dự thầu.
20. Bảo mật	20.1. Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các HSDĐP đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai danh sách ngắn. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSNLKN phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà đầu tư hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư cho đến khi công khai danh sách ngắn. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDĐP của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDĐP. 20.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDĐP theo quy định tại Mục 21 CDNĐT, nhà đầu tư không được phép tiếp xúc với bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDĐP của mình và các vấn đề khác liên quan đến dự án trong suốt thời gian từ khi mở HSDĐP cho đến khi công khai danh sách ngắn.
21. Làm rõ HSNLKN	21.1. Trường hợp trong quá trình đánh giá, nhà đầu tư phát hiện HSNLKN thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà đầu tư được phép gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên

	mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung làm rõ của nhà đầu tư bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. 21.2. Trong trường hợp phát hiện nhà đầu tư thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời thầu phải yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ HSNLKN theo yêu cầu của bên mời thầu. Tất cả yêu cầu làm rõ của bên mời thầu và phản hồi của nhà đầu tư phải được thực hiện bằng văn bản và được gửi theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. Việc làm rõ chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà đầu tư có HSNLKN cần phải làm rõ. Tài liệu làm rõ HSNLKN được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDĐP. 21.3. Việc làm rõ, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện HSNLKN phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi tư cách và tên nhà đầu tư tham dự thầu. 21.4. Trong văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư (thời hạn này phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án đồng thời bảo đảm nhà đầu tư có đủ thời gian chuẩn bị các tài liệu làm rõ HSNLKN). Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời thầu không nhận được văn bản làm rõ hoặc nhà đầu tư có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu sẽ đánh giá HSNLKN của nhà đầu tư theo thông tin nêu tại HSNLKN nộp trước thời điểm đóng thầu.

22. Đánh giá HSNLKN và xếp hạng nhà đầu tư	22.1. Việc đánh giá HSNLKN thực hiện theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III - Đánh giá HSNLKN. 22.2. Việc xếp hạng nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại **BDL**.
23. Điều kiện được lựa chọn vào danh sách ngắn	Nhà đầu tư được xem xét, lựa chọn vào danh sách ngắn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: 23.1. Có HSDĐP hợp lệ; 23.2. Có tổng điểm đánh giá về năng lực, kinh nghiệm không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu, điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản không thấp hơn mức điểm tối thiểu theo quy định tại Mục 3 Chương III - Đánh giá HSNLKN; 23.3. Thuộc danh sách xếp hạng nhà đầu tư theo quy định tại Mục 22.2 CDNĐT.
24. Hủy thầu	24.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây: a) Tất cả HSNLKN không đáp ứng được các yêu cầu nêu trong HSMĐP; b) Thay đổi mục tiêu, quy mô đầu tư đã ghi trong HSMĐP; c) HSMĐP không tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà đầu tư được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án; d) Việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư không tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến hạn chế cạnh tranh giữa các nhà đầu tư;

	đ) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà đầu tư dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư. 24.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c, điểm d và điểm đ Mục 24.1 CDNĐT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
25. Phê duyệt, công khai danh sách ngắn	25.1. Căn cứ kết quả đánh giá HSNLKN, bên mời thầu phê duyệt danh sách ngắn các nhà đầu tư được mời tham gia đàm phán cạnh tranh và kế hoạch, thời gian, địa điểm đàm phán tại quyết định phê duyệt danh sách ngắn. Kế hoạch, thời gian, địa điểm đàm phán do bên mời thầu chịu trách nhiệm lập căn cứ kế hoạch đàm phán dự kiến theo quy định tại Chương IV - Kế hoạch đàm phán. 25.2. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh sách ngắn, bên mời thầu gửi văn bản thông báo danh sách ngắn và mời các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn vào đàm phán cạnh tranh theo kế hoạch, thời gian, địa điểm đàm phán tại quyết định phê duyệt danh sách ngắn theo quy định tại Mục 25.1 CDNĐT. Văn bản thông báo danh sách ngắn gửi theo đường bưu điện, fax, e-mail tới các nhà đầu tư nộp HSDĐP hợp lệ và được tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu. Đồng thời, trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh sách ngắn, bên mời thầu đăng tải quyết định phê duyệt danh sách ngắn lên Hệ thống.
26. Chuẩn bị, tổ chức đàm phán	26.1. Nhà đầu tư được mời vào đàm phán cạnh tranh theo Mục 25.2 CDNĐT phải thông báo cho bên mời thầu bằng văn bản về việc tham dự đàm phán hoặc không tham dự

	đàm phán theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. 26.2. Thời hạn nhà đầu tư thông báo cho bên mời thầu về việc tham dự đàm phán hoặc không tham dự đàm phán theo quy định tại **BDL**. 26.3. Văn bản thông báo tham dự đàm phán của nhà đầu tư gửi bên mời thầu phải cung cấp thông tin về đại diện của nhà đầu tư được cử tham gia đàm phán. Đại diện của nhà đầu tư tham gia đàm phán với bên mời thầu phải gồm một hoặc một số người có đủ thẩm quyền quyết định các nội dung trong quá trình đàm phán và được nhà đầu tư ủy quyền ký kết biên bản đàm phán. Nhà đầu tư không được thay đổi người đại diện tham gia đàm phán trong suốt quá trình đàm phán, trừ trường hợp bất khả kháng. Trường hợp cần thiết, nhà đầu tư thuộc danh sách ngắn có thể mời bên cho vay tham gia đàm phán với bên mời thầu và phải cung cấp thông tin về người đại diện của bên cho vay được cử tham gia đàm phán trong văn bản thông báo tham dự đàm phán của nhà đầu tư gửi bên mời thầu. 26.4. Đàm phán cạnh tranh được tổ chức thành hai vòng, mỗi vòng gồm các phiên trao đổi trực tiếp và độc lập với từng nhà đầu tư. Các phiên trao đổi về từng nội dung đàm phán được thực hiện trong cùng một khoảng thời gian. a) Vòng đàm phán thứ nhất Bên mời thầu tiến hành mở HSĐXKTTCTM và trao đổi với từng nhà đầu tư về các nội dung đàm phán. Kết thúc vòng đàm phán thứ nhất, bên mời thầu sửa đổi yêu cầu về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại của dự án (nếu cần thiết) và thông báo cho các nhà đầu tư.

	b) Vòng đàm phán thứ hai Căn cứ kết quả vòng đàm phán thứ nhất, nội dung sửa đổi yêu cầu về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại của dự án, nhà đầu tư hoàn thiện HSĐXKTTCTM và nộp cho bên mời thầu. Bên mời thầu tiếp nhận, mở HSĐXKTTCTM của nhà đầu tư và tiến hành vòng đàm phán thứ hai với từng nhà đầu tư để chuẩn xác yêu cầu chi tiết về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại của dự án. Kết quả vòng đàm phán thứ hai là căn cứ để bên mời thầu hoàn thiện hồ sơ mời thầu, nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu. 26.5. Tổ chức đàm phán cạnh tranh được thực hiện theo quy định tại Chương V - Tổ chức đàm phán. 26.6. Trong khoảng thời gian từ khi phê duyệt danh sách ngắn đến thời điểm tiến hành vòng đàm phán thứ nhất theo kế hoạch đàm phán được duyệt, trường hợp có ít hơn 03 nhà đầu tư tham dự đàm phán, bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, bổ sung nhà đầu tư tiếp theo trong danh sách xếp hạng theo quy định tại Mục 22.2 CDNĐT, bảo đảm có tối thiểu 03 nhà đầu tư tham dự đàm phán.
27. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư	27.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà đầu tư có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình tham gia đàm phán cạnh tranh, kết quả lựa chọn danh sách ngắn đến bên mời thầu, cơ quan có thẩm quyền theo địa chỉ quy định tại **BDL**. Việc giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật PPP và Tiểu mục 2 Mục 9 Chương IV Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. 27.2. Cơ quan giải quyết kiến nghị đăng tải kết quả giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư lên Hệ thống không muộn hơn 10 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành.

28. Xử lý vi phạm trong đầu tư theo phương thức PPP	28.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. 28.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 28.1 CDNĐT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP còn bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP và đưa vào danh sách các nhà đầu tư vi phạm trên Hệ thống. 28.3. Trường hợp vi phạm dẫn tới bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP, nhà đầu tư vi phạm có thể bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP đối với các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành, địa phương hoặc trên phạm vi toàn quốc theo quy định tại Điều 86 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. 28.4. Công khai xử lý vi phạm: a) Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan; b) Quyết định xử lý vi phạm được cơ quan xử lý vi phạm đăng tải trên Hệ thống.
29. Giám sát, theo dõi quá trình đàm phán	Cơ quan có thẩm quyền cử cá nhân hoặc đơn vị nêu tại **BDL** giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP, nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo với cá nhân hoặc đơn vị được phân công giám sát, theo dõi.

(Xem tiếp Công báo số 1007 + 1008)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng